

**ENGLISH LANGUAGE
TEACHER TRAINING MATERIAL**

TÀI LIỆU TẬP HUẤN DẠY HỌC THEO SÁCH GIÁO KHOA MỚI

MÔN

TIẾNG ANH LỚP 6

GIỚI THIỆU KHÁI QUÁT SÁCH TIẾNG ANH 6

A GIỚI THIỆU TỔNG QUAN CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH 6

I. ĐẶC ĐIỂM MÔN HỌC

Tiếng Anh là môn học bắt buộc trong chương trình giáo dục phổ thông từ lớp 3 đến lớp 12, trong đó có lớp 6. Là một trong những môn học công cụ ở trường phổ thông, môn Tiếng Anh không chỉ giúp học sinh hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh mà còn góp phần hình thành và phát triển các năng lực chung, để sống và làm việc hiệu quả hơn, để học tập tốt các môn học khác cũng như để học suốt đời.

Thời lượng của Chương trình được thiết kế và phân bổ cho 105 tiết học trong 2 học kỳ của lớp 6.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Chương trình Tiếng Anh lớp 6 tuân thủ các quy định được nêu trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư 32/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các định hướng chung về quan điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt, kế hoạch giáo dục và các định hướng về nội dung giáo dục, phương pháp giáo dục, đánh giá kết quả học tập và điều kiện thực hiện chương trình.

2. Chương trình Tiếng Anh lớp 6 được xây dựng theo quan điểm lấy năng lực giao tiếp là mục tiêu của quá trình dạy học; kiến thức ngôn ngữ là phương tiện để hình thành và phát triển các kỹ năng giao tiếp thông qua nghe, nói, đọc, viết.

3. Chương trình Tiếng Anh lớp 6 được thiết kế trên cơ sở hệ thống chủ điểm, chủ đề có liên quan chặt chẽ với nhau, có ý nghĩa và phù hợp với môi trường học tập, sinh hoạt của học sinh, phù hợp với việc phát triển năng lực giao tiếp theo yêu cầu cần đạt quy định cho lớp 6. Thông qua việc triển khai hệ thống chủ điểm và chủ đề trong Chương trình, học sinh có thể được trang bị thêm nội dung của các môn học khác ở mức độ phù hợp và khả thi.

4. Chương trình Tiếng Anh lớp 6 đảm bảo lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm trong quá trình dạy học. Năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh của học sinh được phát triển thông qua hoạt động học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Giáo viên là người tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học, khuyến khích học sinh tham gia hoạt động luyện tập ngôn ngữ ở mức tối đa và từng bước nâng cao khả năng tự học.

5. Chương trình Tiếng Anh lớp 6 đảm bảo tính liên thông và tiếp nối của việc dạy học Tiếng Anh cấp tiểu học, và trong hệ thống dạy tiếng Anh bắt buộc hệ 10 năm (từ lớp 3 đến lớp 12).

6. Chương trình Tiếng Anh lớp 6 đảm bảo tính linh hoạt, mềm dẻo và tính mở nhằm đáp ứng nhu cầu và phù hợp với điều kiện dạy học Tiếng Anh đa dạng ở các địa phương.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
1. Cộng đồng của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Ngôi trường của tôi - Ngôi nhà của tôi - Những người bạn của tôi - Môi trường địa phương - Những kì quan thiên nhiên - Lễ hội - Vô tuyến - Truyền hình 	<p>Nghe</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe và nhận biết âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau. - Nghe hiểu các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong lớp học. - Nghe hiểu nội dung chính, nội dung tương đối chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản khoảng 80 - 100 từ về các chủ đề trong Chương trình; nghe hiểu được nội dung chính các câu chuyện đơn giản về các chủ đề quen thuộc. 	<p>Ngữ âm</p> <p>Nguyên âm đơn, nguyên âm đôi, phụ âm, tổ hợp phụ âm, trọng âm từ, trọng âm câu, nhịp điệu và ngữ điệu</p> <p>Từ vựng</p> <p>Các từ liên quan đến chủ điểm, chủ đề của lớp 6</p> <p>Ngữ pháp</p> <p>Thì hiện tại đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì hiện tại tiếp diễn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì tương lai đơn (củng cố và mở rộng)</p> <p>Thì quá khứ đơn (củng cố và mở rộng)</p>

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
2. Di sản của chúng ta		<p>Nói</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phát âm các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau. - Nói các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong lớp học; những câu đơn giản, liên ý về các chủ đề quen thuộc (có gợi ý). - Hỏi và trả lời ngắn gọn về các chủ đề trong Chương trình như nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh... - Trình bày có chuẩn bị trước và có gợi ý các dự án về các chủ đề trong Chương trình. 	<p>Câu ghép</p> <p>Động từ tình thái: <i>should/ shouldn't, must/ mustn't</i></p> <p>Câu hỏi Wh-</p> <p>Câu mệnh lệnh: khẳng định/phủ định</p> <p>Danh từ: đếm được/ không đếm được</p> <p>Tính từ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính từ so sánh tương đối - Tính từ so sánh tuyệt đối <p>Sở hữu cách</p> <p>Đại từ sở hữu: mine, yours...</p> <p>Lượng từ không xác định: some, any...</p> <p>Giới từ</p> <p>Trạng từ chỉ tần suất</p> <p>Liên từ: because...</p> <p>Mạo từ: a/an, the</p> <p>Câu điều kiện (loại 1)</p> <p>...</p>
3. Thế giới của chúng ta	<ul style="list-style-type: none"> - Các thành phố trên thế giới - Nhà ở trong tương lai - Môi trường thế giới - Rô bốt 	<p>Đọc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc hiểu nội dung chính, nội dung tương đối chi tiết các đoạn hội thoại, đọc thoại đơn giản về các chủ đề trong Chương trình. - Đọc hiểu nội dung chính các thư cá nhân, thông báo, đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 100 – 120 từ thuộc phạm vi các chủ đề quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới). 	

Chủ điểm	Chủ đề	Kĩ năng ngôn ngữ	Kiến thức ngôn ngữ
4. Tầm nhìn tương lai		<p>Viết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Viết (có hướng dẫn) một đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 40 – 60 từ về các chủ đề trong Chương trình. - Viết thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân ngắn, đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hàng ngày trong phạm vi các chủ đề trong Chương trình. 	

IV. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Phương pháp giáo dục chủ đạo trong Tiếng Anh 6 là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp cho phép sử dụng nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp của học sinh, vào khả năng sử dụng các quy tắc ngữ pháp để tạo ra các câu đúng và phù hợp thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

V. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

Hoạt động kiểm tra, đánh giá cần được thực hiện theo hai hình thức: đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Đánh giá thường xuyên được thực hiện liên tục thông qua các hoạt động dạy học trên lớp. Trong quá trình dạy học, cần chú ý ưu tiên đánh giá thường xuyên nhằm giúp học sinh và giáo viên theo dõi tiến độ thực hiện những mục tiêu đã đề ra trong Chương trình. Việc đánh giá định kỳ được thực hiện vào các thời điểm ấn định trong năm học để đánh giá mức độ đạt so với yêu cầu cần đạt đã được quy định cho lớp 6.

Việc đánh giá được tiến hành thông qua các hình thức khác nhau như định lượng, định tính và kết hợp giữa định lượng và định tính trong cả quá trình học tập, kết hợp đánh giá của giáo viên, đánh giá lẫn nhau của học sinh và tự đánh giá của học sinh. Các loại hình kiểm tra, đánh giá cần phù hợp với phương pháp dạy học được áp dụng trong lớp học, bao gồm kiểm tra nói (hội thoại, độc thoại) và kiểm tra viết dưới dạng tích hợp các kỹ năng và kiến thức ngôn ngữ, kết hợp giữa hình thức trắc nghiệm khách quan, tự luận và các hình thức đánh giá khác.

VI. CÁC ĐIỀU KIỆN TỔ CHỨC VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Để việc thực hiện Chương trình Tiếng Anh lớp 6 đạt hiệu quả, cần bảo đảm các điều kiện cơ bản sau:

Giáo viên

- Đảm bảo đủ số lượng giáo viên để thực hiện đủ số tiết học theo kế hoạch dạy học ở trường phổ thông. Giáo viên phải đạt chuẩn năng lực tiếng Anh và năng lực sư phạm phù hợp với cấp học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Giáo viên phải được tập huấn đầy đủ để triển khai Chương trình này. Giáo viên cần được tập huấn về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và sử dụng các trang thiết bị hiện đại trong dạy học.
- Giáo viên cần được bồi dưỡng năng lực đánh giá sách giáo khoa, tài liệu dạy học nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra quy định cho mỗi cấp học.
- Cần tạo điều kiện bồi dưỡng cho giáo viên về năng lực thiết kế các hoạt động đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ phù hợp, hỗ trợ học sinh phát triển năng lực giao tiếp theo các cấp độ của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.

Cơ sở vật chất

- Đảm bảo đầy đủ học liệu tối thiểu (sách học sinh, sách giáo viên, sách bài tập) cho giáo viên và học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Những trường có điều kiện cần nối mạng Internet, trang bị máy tính, màn hình và đầu chiếu, phần mềm dạy học tiếng Anh; khuyến khích sử dụng thiết bị công nghệ thông tin hỗ trợ việc dạy học tiếng Anh.
- Số lượng học sinh cho một lớp học không vượt quá quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Môi trường học tập

Đảm bảo môi trường học tập đa dạng, phong phú để học sinh có thể tham gia vào các hoạt động giao tiếp tiếng Anh có ý nghĩa (tổ chức câu lạc bộ tiếng Anh, giao lưu học sinh giỏi tiếng Anh, thi hát, thi hùng biện bằng tiếng Anh,...).

B GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG ANH 6

Tên sách: TIẾNG ANH 6 (Tập Một và Tập Hai)

Tác giả: GS.TS Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên) – Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa – Lương Quỳnh Trang – Nguyễn Quốc Tuấn

Đối tượng sử dụng: Giáo viên và học sinh lớp 6 dạy và học tiếng Anh như một ngoại ngữ.

I. MỤC TIÊU

Mục tiêu chung



Sách *Tiếng Anh 6* giúp học sinh có một công cụ giao tiếp mới, hình thành và phát triển cho học sinh năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh thông qua các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Khi học xong lớp 6, học sinh có khả năng giao tiếp đạt trình độ Bậc 2–1 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tạo nền tảng cho học sinh sử dụng tiếng Anh trong học tập, hình thành thói quen học tập suốt đời để trở thành những công dân toàn cầu trong thời kỳ hội nhập.

Sách *Tiếng Anh 6* giúp học sinh có hiểu biết khái quát về đất nước, con người và nền văn hoá của một số quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới; có thái độ và tình cảm tốt đẹp đối với đất nước, con người, nền văn hoá và ngôn ngữ của các quốc gia đó. Ngoài ra, *Tiếng Anh 6* còn góp phần hình thành và phát triển cho học sinh những phẩm chất và năng lực cần thiết đối với lao động: ý thức và trách nhiệm cộng đồng, khả năng thích ứng trong bối cảnh cách mạng công nghiệp mới hình thành cho các em niềm yêu thích đối với môn học.

Mục tiêu cụ thể:

Sau khi học xong Tiếng Anh 6, học sinh có thể:

- Sử dụng tiếng Anh như một công cụ giao tiếp thông qua bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nhằm đáp ứng các nhu cầu giao tiếp cơ bản và trực tiếp trong những tình huống gần gũi và thường nhật theo các chủ đề trong sách.
- Có kiến thức cơ bản về tiếng Anh, bao gồm ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; thông qua tiếng Anh, có những hiểu biết khái quát về đất nước, con người, nền văn hoá của các quốc gia nói tiếng Anh và của các quốc gia khác trên thế giới, đồng thời có hiểu biết và tự hào về những giá trị của nền văn hoá dân tộc mình.
- Có thái độ tích cực đối với môn học và việc học tiếng Anh, bước đầu biết sử dụng tiếng Anh để tìm hiểu các môn học khác trong chương trình giáo dục phổ thông.
- Hình thành và áp dụng các phương pháp học tập khác nhau để phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh trong và ngoài lớp học, quản lý thời gian học tập và hình thành thói quen tự học.

NỘI DUNG NGÔN NGỮ:

Mục tiêu	Yêu cầu cụ thể
Ngữ âm	Tiếng Anh 6 tập trung dạy cho học sinh các nguyên âm đơn: /ʌ/, /ɑ:/, /ɪ/, /i:/, /e/, /æ/, các phụ âm đơn: /s/, /z/, /b/, /p/, /t/, /d/, /ʃ/, /ð/, /θ/, và các nguyên âm đôi: /əʊ/, /aʊ/, trọng âm từ 2 âm tiết, trọng âm câu (nhịp điệu), ngữ điệu trong câu đơn.
Từ vựng	Tiếng Anh 6 bao gồm những từ thông dụng được thể hiện trong hai hình thức ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết liên quan đến các chủ điểm và chủ đề trong Chương trình. Số lượng từ vựng được dạy trong sách lớp 6 là khoảng 200 – 250 từ.
Ngữ pháp	Tiếng Anh 6 tiếp tục củng cố và mở rộng các nội dung về ngữ pháp đã học ở cấp tiểu học: bao gồm các cấu trúc phức vụ phát triển năng lực giao tiếp ở Bậc 2.1 như câu trần thuật, câu hỏi, câu mệnh lệnh, câu khẳng định, câu phủ định, câu đơn, câu ghép đơn giản, câu điều kiện (loại 1), thì hiện tại đơn, thì hiện tại tiếp diễn, thì quá khứ đơn, thì tương lai đơn, động từ tình thái, danh từ đếm được, danh từ không đếm được, so sánh tính từ, đại từ nghi vấn, đại từ sở hữu, giới từ, trạng từ, liên từ, mạo từ xác định, mạo từ không xác định.

KĨ NĂNG NGÔN NGỮ:

Mục tiêu	Yêu cầu cụ thể
Nghe	<p>Nghe và nhận biết âm, trọng âm, nhịp điệu, ngữ điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.</p> <p>Nghe hiểu các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong các hoạt động học tập trong lớp học.</p> <p>Nghe hiểu nội dung chính tương đối chi tiết các đoạn thoại, độc thoại đơn giản, có độ dài khoảng 80-100 từ về các chủ đề trong Chương trình; nghe hiểu được nội dung chính các câu chuyện đơn giản về các chủ đề quen thuộc.</p>
Nói	<p>Phát âm các âm, trọng âm, ngữ điệu và nhịp điệu trong các câu ngắn và đơn giản khác nhau.</p> <p>Nói các chỉ dẫn ngắn, đơn giản sử dụng trong lớp học; những câu đơn giản, liên ý về các chủ đề quen thuộc (có gợi ý).</p> <p>Hỏi và trả lời ngắn gọn về các chủ đề trong Chương trình như nhà trường, bạn bè, lễ hội, danh lam thắng cảnh...</p> <p>Trình bày có chuẩn bị trước và có gợi ý các dự án về các chủ đề trong Chương trình.</p>
Đọc	<p>Đọc hiểu nội dung chính, nội dung tương đối chi tiết các đoạn hội thoại, độc thoại đơn giản về các chủ đề trong Chương trình.</p> <p>Đọc hiểu nội dung chính các thư cá nhân, thông báo, đoạn văn ngắn, đơn giản khoảng 100 – 120 từ thuộc phạm vi các chủ đề quen thuộc (có thể có một số từ, cấu trúc mới).</p>
Viết	<p>Viết có hướng dẫn một đoạn văn ngắn, có độ dài khoảng 40-60 từ.</p> <p>Các thể loại: thư, bưu thiếp, tin nhắn hoặc ghi chép cá nhân đơn giản liên quan đến nhu cầu giao tiếp hằng ngày trong phạm vi các chủ đề trong Tiếng Anh 6.</p>

II. NGUYÊN TẮC BIÊN SOẠN

Bộ sách Tiếng Anh 6 được biên soạn dựa trên những nguyên tắc cơ bản sau đây:

- Dựa trên Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

- Dựa vào tâm lí lứa tuổi của học sinh lớp 6 nói chung và học sinh lớp 6 Việt Nam nói riêng.
- Xem xét môn tiếng Anh trong mối quan hệ với các môn học khác để biên soạn nội dung giảng dạy phù hợp.
- Đảm bảo tính liên thông giữa Tiếng Anh 6 với bộ sách tiếng Anh biên soạn theo Chương trình giáo dục phổ thông – Chương trình môn Tiếng Anh (từ lớp 3 đến lớp 12) được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.
- Dựa vào thời lượng, nội dung, phương pháp và kiểm tra đánh giá quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh lớp 6 với thời lượng: 3 tiết/ tuần/ 35 tuần.
- Đảm bảo tính Việt Nam và tính quốc tế, đáp ứng nhu cầu hội nhập.
- Đảm bảo cho học sinh tham dự được các kì thi trong nước và quốc tế.

III. PHƯƠNG PHÁP BIÊN SOẠN

- Tiếng Anh 6 được biên soạn theo đường hướng giao tiếp, nhấn mạnh vào việc hình thành và phát triển năng lực giao tiếp tiếng Anh của học sinh thông qua các tương tác trong ngữ cảnh, quan tâm đặc biệt đến quá trình lĩnh hội (thụ đắc) tiếng Anh một cách tự nhiên, giúp học sinh “thấm ngôn ngữ” và đồng thời bước đầu “hiểu ngôn ngữ” và nắm các quy tắc trong khi sử dụng.
- Tiếng Anh 6 được biên soạn theo đường hướng learning-centred (lấy việc học là trung tâm): Mục tiêu của bài học chi phối mọi hoạt động và phương pháp dạy và học. Mục tiêu về kiến thức và kĩ năng ngôn ngữ được xác định rõ ràng sau mỗi đơn vị bài, mỗi lớp trong cấp học.
- Tiếng Anh 6 được biên soạn theo phương pháp tích hợp: Các kĩ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện tập ở tất cả các phần của các đơn vị bài học; sau đó các kĩ năng lại được dạy chuyên sâu ở phần Skills.
- Tiếng Anh 6 được biên soạn theo hệ thống chủ điểm và chủ đề. Mỗi chủ đề ứng với mỗi đơn vị bài học, được phát triển thông qua việc kết hợp và đan xen giữa chủ đề với các bộ phận cấu thành của đơn vị bài học như năng lực giao tiếp (competences) thể hiện qua các kĩ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết) và khối kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp).

IV. CẤU TRÚC SÁCH VÀ CÁC BỘ PHẬN CẤU THÀNH

1. SÁCH HỌC SINH

Được thiết kế thành 12 Đơn vị bài học (Unit): mỗi đơn vị bài học là một Chủ đề (Topic), và 4 Đơn vị ôn tập (Review).

Unit	Topic	Unit	Topic
1	My new school	7	Television
2	My home	8	Sports and game
3	My friends	9	Cities of the world
	Review 1		Review 3
4	My neighbourhood	10	Houses in the future
5	Natural wonders of Viet Nam	11	Our greener world
6	Our Tet holiday	12	Robots
	Review 2		Review 4

Cấu trúc của một Đơn vị bài học (Unit)

Mỗi Unit được thiết kế thành 8 mục như sau:

1	Getting started	dạy trong 1 tiết, giới thiệu chủ đề, từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp của cả bài.
2	A closer look 1	dạy trong 1 tiết, dạy từ vựng và ngữ âm.
3	A closer look 2	dạy trong 1 tiết, dạy ngữ pháp.
4	Communication	dạy trong 1 tiết, luyện tập các kỹ năng thông qua giới thiệu văn hóa, truyền thống, ... của Việt Nam và các nước trên thế giới.
5	Skills 1	dạy trong 1 tiết, dạy kỹ năng đọc và nói.
6	Skills 2	dạy trong 1 tiết, dạy kỹ năng nghe và viết.
7	Looking back	dạy trong 1 tiết, ôn tập toàn bài.
	Project	(GV hướng dẫn cùng với tiết Looking back) tập cho học sinh làm việc đôi hoặc theo nhóm để thực hiện một nhiệm vụ hoặc dự án liên quan đến chủ đề của bài.

LESSON 1 (BÀI 1): GETTING STARTED

Introduction

(Dialogue + 4/5 activities)

Mục đích của phần này là giúp học sinh làm quen với chủ đề của toàn bộ Đơn vị bài học, cung cấp và giới thiệu một bối cảnh (context) trong đó các âm, từ vựng, và hiện tượng ngữ pháp được giảng dạy trong toàn bộ đơn vị bài xuất hiện GETTING STARTED bao gồm hai mục: một đoạn hội thoại cho học sinh nghe và đọc theo (Listen and read), và 4 hoặc 5 hoạt động kèm theo để giúp HS hiểu đoạn hội thoại đó, và làm các bài tập để bước đầu hiểu và sử dụng các từ và hiện tượng ngữ pháp sẽ được giải quyết trong các phần tiếp theo.

Unit 1 MY NEW SCHOOL

THIS UNIT INCLUDES:

Vocabulary

- School things and activities
- Verb (play, do, have, study) + Noun

Pronunciation

- Sounds: /ə/ and /ʌ/

Grammar

- Present simple
- Adverbs of frequency

Skills

- Reading about schools
- Talking about the type of school one would like to go to
- Listening about school activities
- Writing a paragraph about one's school

Everyday English

- Introducing someone

GETTING STARTED

A special day

1 Listen and read.

(Loud knock)

Phong: Hi, Vy.

Vy: Hi, Phong! Are you ready?

Phong: Just a minute.

Vy: Oh, this is Duy, my new friend.

Phong: Hi, Duy. Nice to meet you.

Duy: Hi, Phong. I live near here, and we go to the same school.

Phong: Good. Hmm, your school bag looks heavy.

Duy: Yes! I have new books, and we have new subjects to study.

Phong: And a new uniform, Duy? You look smart!

Duy: Thanks, Phong. We always look smart in our uniforms.

Phong: Let me put on my uniform. Then we can go.

2 Read the conversation again and tick (✓) T (True) or F (False).

	T	F
1. Vy, Phong, and Duy go to the same school.		
2. Duy is Phong's friend.		
3. Phong says Duy looks smart in his uniform.		
4. They have new subjects to study.		
5. Phong is wearing a school uniform.		

3 Write ONE word from the box in each gap.

go	subjects	has	wears
wear	uniforms	has	wears

1. Students _____ their uniforms on Monday.
2. Vy _____ a new friend, Duy.
3. Do Phong, Vy, and Duy _____ to the same school?
 - Yes, they do.
 - Students always look smart in their _____.
5. - What _____ do you like to study?
 - I like to study English and history.

4 Match the words with the school things. Then listen and repeat.

1 pencil sharpener

2 compass

3 school bag

4 calculator

5 rubber

6 pencil case

5 Look around the class. Write the names of the things you see in your notebook.

6 Tiếng Anh 6 Unit 1 - My New School 7

LESSON 2 (BÀI 2): A CLOSER LOOK 1

Vocabulary + Pronunciation (5/6 activities)

Phần này được thiết kế để dạy từ vựng và ngữ âm gắn với mỗi đơn vị bài. Các từ vựng chủ động của bài được giới thiệu và luyện tập thông qua các hoạt động gây hứng thú cho học sinh và dễ học dễ nhớ.

Trong phần ngữ âm sẽ có một cặp âm được giới thiệu và luyện tập riêng lẻ, sau đó là luyện tập trong câu (trong tình huống). Ở những bài cuối trong chương trình cũng sẽ giới thiệu trọng âm từ, trọng âm câu, và ngữ điệu trong câu.

A CLOSER LOOK 1

Vocabulary

1 Listen and repeat the words.

school lunch	exercise
English	science
history	football
homework	lessons
	music

2 Work in pairs. Put the words in 1 in the correct columns.

play	do	have	study

Can you add more words to each column?

3 Put one of these words in each blank.

lessons science homework football exercise

1. Vy and I often do our _____ after school.
2. Nick plays _____ for the school team.
3. Mrs. Nguyen teaches all my history _____.
4. They are healthy. They do _____ every day.
5. I study maths, English and _____ on Mondays.

Pronunciation

4 Listen and repeat. Pay attention to the sounds /ə/ and /ʌ/.

1 /ə/	2 /ʌ/
sm <i>it</i>	su <i>bject</i>
sc <i>ar</i> f	stu <i>d</i> y
cl <i>as</i> s	M <i>u</i> nday
	c <i>om</i> pass

5 Listen and repeat. Then listen again and underline the words with the sounds /ə/ and /ʌ/.

1. My brother has a new compass.
2. Our classroom is large.
3. They look smart on their first day at school.
4. The art lesson starts at nine o'clock.
5. He goes out to have lunch every Sunday.

8 Tiếng Anh 6

14

LESSON 3 (BÀI 3): A CLOSER LOOK 2

Grammar (5/6 activities)

Phần này giải quyết các điểm ngữ pháp của đơn vị bài (có thể một hoặc hai grammar point sẽ được dạy ở mỗi đơn vị bài). Các điểm ngữ pháp này đã được giới thiệu trong phần Getting Started nên học sinh đã được làm quen. Thường thì có các bảng để nêu qui tắc hoặc nhấn mạnh những nội dung học sinh cần ghi nhớ. Học sinh sẽ được luyện tập qua các hoạt động từ dễ đến khó, và cuối cùng thường là một bài tập cho học sinh sử dụng hiện tượng ngữ pháp đã học (production).

A CLOSER LOOK 2

Grammar

The present simple

Remember!

We use the present simple to talk about actions or events that often happen, or are fixed.

Examples:

- We usually **go** to school by bus.
- I **don't like** school lunch very much.

1 Choose the correct answer A, B, or C.

1. We _____ new subjects for this school year.
A. have B. has C. having
2. Duy _____ to school every day.
A. cycling B. cycle C. cycles
3. My new school _____ in the centre of the village.
A. not B. isn't C. doesn't
4. I live near here. Where _____ live?
A. do you B. you C. are you
5. My friend has a sister, but she _____ a brother.
A. not has B. don't have C. doesn't have

Remember!

The present simple verbs with *he / she / it* need an *s / es*.

2 Miss Nguyen is interviewing Duy for the school newsletter. Write the correct form of the verbs.

Miss Nguyen: Tell us about your new school, Duy.

Duy: Sure! My school (1. have) _____ a large playground.

Miss Nguyen: _____ you (2. have) _____ any new friends?

Duy: Yes. And I (3. like) _____ my new friends, Vy and Phong.

Miss Nguyen: _____ Vy (4. walk) _____ to school with you?

Duy: Well, we often (5. ride) _____ our bicycles to school.

Miss Nguyen: What time do you go home?

Duy: I (6. go) _____ home at 4 p.m. every day.

Miss Nguyen: Thank you!



Unit 1 - My New School 9

LESSON 4 (BÀI 4): COMMUNICATION

Everyday English + Applied language (4/5 activities)

Phần này được thiết kế nhằm mục đích giúp học sinh sử dụng ngôn ngữ đã học để giao tiếp trong cuộc sống thực, đồng thời cũng cung cấp thêm thông tin và kiến thức về văn hóa của Việt Nam cũng như của các nước khác trên thế giới.

COMMUNICATION gồm 2 phần:

Everyday English: giúp học sinh sử dụng những cấu trúc giao tiếp hàng ngày, phát triển kĩ năng nói tiếng Anh trong các tình huống thực. Mục này sẽ giới thiệu cách hỏi – đáp trong các chức năng ngôn ngữ như: giới thiệu mọi người với nhau, hỏi và chỉ đường, thể hiện sự ngạc nhiên, chúc nhau năm mới, ...

Phát triển năng lực giao tiếp theo chủ đề: mỗi Unit sẽ có một nội dung để luyện thêm kĩ năng theo chủ đề: new friends at school, living places, date of birth and personality, ...

COMMUNICATION

Everyday English

Introducing someone

1 Listen and read the dialogue. Pay attention to the highlighted sentences. (7)

Vy: Phong, **this is Duy**, my new friend.

Phong: Hi, Duy. **Nice to meet you.**

Duy: Hi, Phong. **Nice to meet you, too.**

2 Work in groups. Practise introducing a friend to someone else.



New friends at school

3 Read and tick the questions you think are suitable to ask a new friend at school.

1. Are you from around here?
2. Do you like music?
3. How much money do you get?
4. What is your favourite subject at school?
5. Are you hungry now?
6. Do you play football?
7. How do you go to school every day?
8. Where do you often go shopping?

Write one or two more questions on a piece of paper. Then share them with the class.

4 There is a quiz for students in the new school newsletter. Answer the questions.

ARE YOU A GOOD FRIEND AT SCHOOL?

1. Do you remember all your new classmates' names?
Yes No
2. Do you often listen to your friends' advice?
Yes No
3. Do you share things with your classmates?
Yes No
4. Do you keep your friends' secret?
Yes No
5. Do you play with your classmates at break time?
Yes No
6. Do you help your classmates with their homework?
Yes No
7. Do you go to school with your friends?
Yes No
8. Do you listen when your classmates are talking?
Yes No

5 Work in groups. Take turns to interview others. Use the questions above.

Unit 1 - My New School 11

LESSON 5 (BÀI 5): SKILL 1

Reading + Speaking (5/6 activities)

Phần này giải quyết 2 kỹ năng:

- Đọc (thụ ngôn – receptive)

- Nói (sản ngôn – productive)

Đọc - Reading: mục đích của phần này nhằm phát triển khả năng đọc của học sinh. Bài đọc (100 – 120 từ) có các từ vựng và hiện tượng ngữ pháp học sinh đã học trước đó, và theo chủ đề của đơn vị bài, nội dung gần gũi và gây hứng thú cho HS. Sau bài đọc có các hoạt động để HS ghi nhớ từ vựng và phát triển kỹ năng đọc hiểu của mình.

Nói – Speaking: Kỹ năng nói thường lấy input từ kỹ năng đọc ở trên, gồm các hoạt động giúp học sinh luyện tập và phát triển khả năng sử dụng kiến thức

ngôn ngữ đã học trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Các hoạt động sử dụng nói cá nhân (individual work), nói theo cặp (pair work), và theo nhóm (group work).

SKILLS 1

Reading

1 Look at the pictures and quickly read the passages. Match 1-3 with A-C.

- | | |
|------------|--------------------------------|
| 1. Sunrise | A. a school in Bac Giang |
| 2. An Son | B. an international school |
| 3. Dream | C. a boarding school in Sydney |

Sunrise is a boarding school in Sydney. Students study and live there. About 1,200 boys and girls go to Sunrise. It has students from all over Australia. They study subjects like maths, science and English.



An Son is a lower secondary school in Bac Giang. It has only 8 classes. There are mountains and green fields around the school. There is a computer room and a library. There is also a school garden and a playground.



Dream is an international school. Here students learn English with English-speaking teachers. In the afternoon, they join many interesting clubs. They play sports and games. Some students do paintings in the art club.



2 Read the passages again and complete these sentences.

- Students live and study in a _____ school. They only go home at weekends.
- Sunrise is a school in _____.
- There are _____ around An Son School.
- _____ has an art club.
- At Dream School, students learn English with _____.

3 Answer the questions.

- Which school is a boarding school?
- Where is An Son School?
- Is there a school garden in An Son School?
- What do Dream School students do in the afternoon?

Speaking

4 Which school in 1 would you like to go to? Why / Why not? Complete the table.

Name of school	Reasons you like it	Reasons you don't like it

Then discuss your choice with a friend.

Example:

- A: Which school would you like to go to?
 B: I'd like to go to Dream School.
 A: Why?
 B: Because I'd like to paint in the art club.

LESSON 6 (BÀI 6): SKILL 2

Listening + Writing (5/6 activities)

Phần này giải quyết 2 kỹ năng:

- Nghe (thụ ngôn – receptive)

- Viết (sản ngôn – productive)

Nghe – Listening: gồm một bài nghe từ đĩa CD (một đoạn văn hoặc một hội thoại 80 – 100 từ theo nội dung chủ đề của đơn vị bài). Các hoạt động kèm theo giúp học sinh luyện kỹ năng nghe hiểu để tìm thông tin đại ý, hoặc thông tin cụ thể theo bài đã nghe.

Viết – Writing: tập trung vào việc phát triển kỹ năng viết của học sinh. Có thể có một vài hoạt động chuẩn bị trước khi đến yêu cầu cuối cùng là HS viết được một lá thư, bưu thiếp, đoạn văn, ... khoảng 40 – 60 từ trong phạm vi các chủ đề đã học.

SKILLS 2

Listening

1 Janet, a student at Palmer School in America, is talking about her school. Guess the answers to these questions.

- Do you think the students there wear uniforms?
- Do they learn Vietnamese as a foreign language?

Listen to the talk and check your guesses. (2)

2 Listen again and choose the correct answer A or B. (3)

- Janet's favourite teacher is her _____ teacher.
 A. maths B. science
- Today Janet _____ her uniform.
 A. is wearing B. isn't wearing
- Janet studies _____ for two hours a week.
 A. English B. Vietnamese
- Janet usually does her homework
 A. in the library B. at home
- Her class is going to have a biology lesson _____
 A. on a farm B. in the classroom

Writing

3 Write the answers to the following questions about your school.

- What is the name of your school? _____
- Where is your school? _____
- How many classes does your school have? _____
- What do students do at your school? _____
- What do you like about your school? _____

4 Use the answers in 3 to write a paragraph of 40-50 words about your school. You can refer to the reading passages to help you.

My school is



LESSON 7 (BÀI 7): LOOKING BACK + PROJECT

LOOKING BACK

Revision + Extra curricular (4/5 activities)

Củng cố, luyện tập lại kiến thức từ vựng và ngữ pháp đã học trong bài. Qua phần này, giáo viên sẽ nắm được học sinh đạt kết quả học tập đến đâu để có thể cho các em luyện tập thêm.

PROJECT

Là một nhiệm vụ nhằm khuyến khích khả năng học tập, làm việc độc lập và theo nhóm của học sinh.

Nó cũng là phần thực hành của mỗi unit, gắn với thực tiễn, giúp phát triển tư duy và trí tưởng tượng của học sinh, và giúp các em rèn luyện kĩ năng sống của mình.

PROJECT

Your dream school

Work in groups.

1 Design your dream school. What does it look like?

Is it:

- in a town or in the country?
- a boarding school?
- an international school?

Does it have:

- a swimming pool?
- a video game room?
- a greenhouse and a farm?

2 Draw a picture of your dream school.

3 Present it to the class.

Now I can ...	✓	✓✓	✓✓✓
<ul style="list-style-type: none"> • use the words related to the topic 'My New School'. • pronounce the sounds /s/ and /ʌ/ correctly. • use the present simple. • use the adverbs of frequency. • introduce someone to someone else. • read about schools. • talk about the type of school I'd like to go to. • listen about school activities. • write a paragraph about my school. 			

Unit 1 - My New School 15

Cấu trúc của bài ôn tập (Review)

Bài Review được thiết kế sau mỗi ba đơn vị bài học, giúp học sinh ôn tập lại các âm, từ, cụm từ, cấu trúc các em đã học trong 3 đơn vị bài học trước đó.

Một bài Review bao gồm hai phần chính được thiết kế để dạy trong hai tiết học:

Language: được dạy trong 1 tiết học, gồm các hoạt động để ôn luyện từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp của 3 đơn vị bài đã học trước đó.

Skills: được dạy trong 1 tiết học, gồm các hoạt động để thực hành thêm về 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết về chủ đề của 3 đơn vị bài đã học trước đó.

REVIEW 3 (UNITS 7 - 9)

LANGUAGE

Pronunciation

1 Circle the word with the different underlined sound. Listen and check.

1. A. tiger B. high C. sing
2. A. symbol B. going C. pigcard
3. A. father B. wall C. long
4. A. Saturday B. light C. sign
5. A. tennis B. prepare C. chess

Vocabulary

2 Choose A, B, or C to fill the gaps in the passage.

Most children love (1) _____ activities when the weather is good. They play football, go skateboarding or go (2) _____ in countries with a lot of snow like (3) _____ children go skiing with their parents to practise skiing. When they are not skiing, they can stay at home and watch interesting (4) _____ on TV or visit (5) _____ in the area.

1. A. outdoor B. indoor C. school
2. A. tennis B. karte C. swimming
3. A. Sweden B. India C. Brazil
4. A. characters B. viewers C. programmes
5. A. sports B. city C. landmarks

3 Complete the sentences with the words / phrases in the box.

Football	by	landmark
television	summer sports	

1. The Eiffel Tower is a famous _____ in Paris.
2. He is a great _____ player from Brazil.
3. There are many educational programmes on _____.
4. I think no other _____ in the world is more interesting than Los Angeles.
5. _____ are very popular in countries with a lot of sunshine like Australia.

Grammar

4 Choose the correct answer A, B, or C.

1. John, you are late. The match _____ ten minutes ago.
 - A. starts B. started C. is starting
2. Ben wrote his parents a postcard _____ he was on holiday.
 - A. because B. and C. while
3. Hong Kong is famous for double-decker buses.
 - A. its B. it C. it's
4. Sports and games _____ an important part in our lives.
 - A. play B. plays C. played
5. The USA first _____ colour TV in 1955.
 - A. has B. have C. had
6. We are now in the city museum, _____ any objects on display.
 - A. not touch B. don't touch C. Don't touching

5 Correct the underlined question word(s) if needed.

1. Who sports do you like?
2. What thing do you have English class?
3. What tall are the Twin Towers in Kuala Lumpur?
4. Where is the Great Wall in China or in Korea?

1. It's a simple sport. Competitors roll a big round piece of cheese from the top of a hill. Competitors run after it and try to catch it. Very few people can catch it because it goes very fast, about 112 km an hour.

2. It's a popular sport for children. This game started in Derbyshire in the North of England. Two children lock their toes together and try to push the other's foot to the ground. It's similar to arm wrestling.

3. Use the information from the passages above to tick (✓) the correct box.

	Toe Wrestling	Cheese Rolling
1. You need a hill to play this sport.		
2. You use the lower part of the body for this sport.		
3. It travels at about 112 km / hour.		
4. Not many people can catch it.		
5. It first started in England.		

4. Listen to a talk about Singapore and fill the missing information.

1. You need a hill to play this sport.		
2. You use the lower part of the body for this sport.		
3. It travels at about 112 km / hour.		
4. Not many people can catch it.		
5. It first started in England.		

Listening

4 Listen to a talk about Singapore and fill the missing information.

1. You need a hill to play this sport.		
2. You use the lower part of the body for this sport.		
3. It travels at about 112 km / hour.		
4. Not many people can catch it.		
5. It first started in England.		

5. Work in groups. Interview your classmates about their likes. Take notes of their answers and report to the class.

1. What city would you like to visit?		
2. What sports do you like playing?		
3. What TV programme do you like watching?		

Speaking

5 Work in groups. Interview your classmates about their likes. Take notes of their answers and report to the class.

1. What city would you like to visit?		
2. What sports do you like playing?		
3. What TV programme do you like watching?		

Reading

5 Read the two descriptions of strange sports and choose titles for them.

1. What city would you like to visit?		
2. What sports do you like playing?		
3. What TV programme do you like watching?		

Skills

1. The Eiffel Tower is a famous _____ in Paris.

2. He is a great _____ player from Brazil.

3. There are many educational programmes on _____.

4. I think no other _____ in the world is more interesting than Los Angeles.

5. _____ are very popular in countries with a lot of sunshine like Australia.

A. Toe Wrestling B. Cheese Rolling

36 Tiếng Anh 6

Review 3 37

2. SÁCH GIÁO VIÊN

Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên được viết bằng tiếng Anh và được biên soạn nhằm mục đích hướng dẫn và gợi ý giáo viên cách khai thác sách học sinh tối đa để đạt kết quả học tập cao nhất.

Các hoạt động gợi ý, hướng dẫn được viết theo quan điểm lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi học sinh trong khi tham gia vào các hoạt động ngôn ngữ và giao tiếp trên lớp học, bao gồm:

Mục tiêu của từng Unit

Hướng dẫn chi tiết các bước lên lớp của từng hoạt động trong từng Bài học (Lesson), từng Đơn vị bài học (Unit) trong SHS.

Audio scripts của các phần nghe, và đáp án cho các hoạt động trong SHS.

3. SÁCH BÀI TẬP

Tiếng Anh 6 – Sách bài tập được biên soạn giúp các em ôn tập lại và mở rộng, khắc sâu kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ học trên lớp, tăng thêm vốn từ, làm quen với các dạng bài thi và kiểm tra trong nước và quốc tế.

Tiếng Anh 6 – Sách bài tập bao gồm các phần:

A. Pronunciation

Củng cố khả năng phát âm, khả năng nhận biết của học sinh về những âm phát âm giống nhau và khác nhau trong từ.

B. Vocabulary and grammar

Củng cố từ vựng và cấu trúc ngữ pháp học sinh đã học, mở rộng vốn từ vựng của học sinh thông qua các dạng bài tập khác nhau.

C. Speaking

Củng cố khả năng nói học sinh đã học thông qua tranh ảnh, sơ đồ, điền thông tin,... để thực hành nói.



D. Reading

Củng cố và phát triển kỹ năng đọc hiểu của học sinh ở cấp độ đoạn văn và đoạn thoại ngắn thông qua các dạng bài luyện đọc khác nhau.

E. Writing

Củng cố kỹ năng viết câu và viết đoạn văn của học sinh về những chủ đề đã học.

Ngoài 12 đơn vị bài tập theo 12 đơn vị bài học, sách Tiếng Anh 6 – Sách bài tập còn có 4 bài Test Yourself giúp học sinh tự kiểm tra những nội dung kiến thức và những yêu cầu về kỹ năng các em đã học sau mỗi 3 đơn vị bài học, đồng thời làm quen với các dạng bài thi và kiểm tra.

4. KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

4.1. Một số cơ sở xây dựng đề kiểm tra

- Đề kiểm tra phải dựa trên mục tiêu, yêu cầu cần đạt của Chương trình: kiểm tra bốn kĩ năng giao tiếp (nghe, nói, đọc, viết) và kiến thức ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp) thông qua các chủ điểm/ chủ đề được nêu trong Chương trình.
- Bài kiểm tra cần bám sát nội dung trong sách giáo khoa (Getting started – A closer look 1, 2 – Communication - Skills 1, 2 – Looking back – Project)
- Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập cần thực hiện theo đúng hướng dẫn mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc

(Source: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-012014-TT-BGDDT-Khung-nang-luc-ngoai-ngu-6-bac-Viet-Nam-220349.aspx>)

Lưu ý: Khung năng lực này thể hiện ở cuối mỗi cấp học. Với lớp 6 trung học cơ sở là: A2.1

Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam		Khung tham chiếu chung Châu Âu	Cấp học
Sơ cấp	Bậc 1	A1	Tiểu học
	Bậc 2	A2	Trung học cơ sở
Trung cấp	Bậc 3	B1	Trung học phổ thông
	Bậc 4	B2	
Cao cấp	Bậc 5	C1	
	Bậc 6	C2	

4.3. Khung đề kiểm tra

4 skills + 3 language components + 4 domains/themes

4 skills	Listening	20%
	Speaking	20%
	Reading	20%
	Writing	20%
Language focus	Pronunciation + Vocabulary + Grammar	20%
4 themes	Our Communities (including topics)	
	Our Heritage (including topics)	
	Our World (including topics)	
	Visions of the Future (including topics)	

4.4. Gợi ý bài kiểm tra 45 phút

I. LISTENING	<ol style="list-style-type: none">1. Listen to a conversation and2. Listen to a passage and.....
II. READING	<ol style="list-style-type: none">1. Read a conversation / passage about ... and ...2. Read a passage / text about ... and
III. WRITING	<ol style="list-style-type: none">1. Reorder the words to make sentences./Complete the sentences.....2. Write a passage/ an email/ letter... (40-60 words), using the suggestions.
IV. SPEAKING	<ol style="list-style-type: none">1. Answer the teacher's/friend's questions./Make a conversation about ...2. Talk about ..., using suggestion/ ideas / clues
V. LANGUAGE FOCUS	<ol style="list-style-type: none">1. Focusing on pronunciation2. Checking vocabulary comprehension3. Dealing with grammar

Nguồn: <https://kiemtra.sachmem.vn/examtypes/7347> (sachmem - HEID)

Lưu ý:

- Tổng số điểm chia đều cho mỗi phần từ I đến V.
- Bài kiểm tra 45 phút có thể lấy nội dung kiểm tra trong một chủ điểm.
- Bài kiểm tra học kì có thể lấy nội dung kiểm tra trong 2 chủ điểm.
- Bài kiểm tra 15 phút có thể tập trung vào một trong các phần (I, II, III, IV) của bài kiểm tra 45 phút.

4.5. Gợi ý một số dạng bài tập cơ bản

	Tasks
Speaking	Spoken interaction Make a dialogue/conversation with a friend/teacher about...+ topic Spoken production Talk about/ Describe/ Tell about...+ topic
Listening	Listen to a dialogue/monologue about + topic and... - Give short answers to the questions - Chose/ tick True/ False - Complete the table/ chart - Complete the sentences - Write main ideas/ take notes -
Reading	Read a dialogue/ monologue about + topic and ... - Give short answer to the questions - Tick True/ False - Complete the table/ chart - Tick the correct tittle - Rearrange the sentences/ ideas
Writing	- Complete the sentences/ Reorder the words to make sentences,... - Write a paragraph/ passage / text / letter (number of words) about + topic, using the suggestions (phrases/ questions/ main ideas/ pictures, ...)

5. PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH

Tiếng Anh 6 được sử dụng trong dạy và học tiếng Anh ở lớp 6 với thời lượng 3 tiết/ tuần (105 tiết cho một năm học với 35 tuần). Tiếng Anh 6 gồm 12 đơn vị bài học (Unit). Sau mỗi 3 đơn vị bài học là một bài ôn tập (Review).

Tổng số tiết trong năm học: $35 \text{ tuần} \times 3 \text{ tiết} = 105 \text{ tiết}$

Số tiết thực dạy: $7 \text{ tiết/ bài} \times 12 \text{ bài} = 84 \text{ tiết}$

Số tiết ôn tập: $2 \text{ tiết/ bài ôn} \times 4 \text{ bài} = 8 \text{ tiết}$

Số tiết kiểm tra (giữa học kì và cuối học kì): 7 tiết

Dự phòng: 6 tiết

Học kỳ I: $18 \text{ tuần} \times 03 \text{ tiết/ tuần} = 54 \text{ tiết}$.

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 1	1		Hướng dẫn học/ kiểm tra Getting started
	2	Unit 1	
	3	Unit 1	A closer look 1
Tuần 2	4	Unit 1	A closer look 2
	5	Unit 1	Communication
	6	Unit 1	Skill 1
Tuần 3	7	Unit 1	Skill 2
	8	Unit 1	Looking back & Project
	9	Unit 2	Getting started
Tuần 4	10	Unit 2	A closer look 1
	11	Unit 2	A closer look 2
	12	Unit 2	Communication
Tuần 5	13	Unit 2	Skills 1
	14	Unit 2	Skills 2
	15	Unit 2	Looking back & Project
Tuần 6	16	Unit 3	Getting started
	17	Unit 3	A closer look 1
	18	Unit 3	A closer look 2

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 7	19	Unit 3	Communication
	20	Unit 3	Skills 1
	21	Unit 3	Skills 2
Tuần 8	22	Unit 3	Looking back & Project Feedback on project Unit 1, 2 Review 1 (Language)
	23		
	24		
Tuần 9	25	Unit 4	Review 1 (Skills)
	26		45-minute test
	27		Getting started
Tuần 10	28	Unit 4	A closer look 1
	29	Unit 4	A closer look 2
	30	Unit 4	Communication, feedback on test 1
Tuần 11	31	Unit 4	Skills 1
	32	Unit 4	Skills 2
	33	Unit 4	Looking back & Project
Tuần 12	34	Unit 5	Getting started
	35	Unit 5	A closer look 1
	36	Unit 5	A closer look 2
Tuần 13	37	Unit 5	Communication
	38	Unit 5	Skills 1
	39	Unit 5	Skills 2
Tuần 14	40	Unit 5	Looking back & Project Getting Feedback on project Unit 3, 4
	41		
	42	Unit 6	Getting started
Tuần 15	43	Unit 6	A closer look 1
	44	Unit 6	A closer look 2
	45		Feedback on project Unit 5

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 16	46	Unit 6	Communication
	47	Unit 6	Skills 1
	48	Unit 6	Skills 2
Tuần 17	49	Unit 6	Looking back & Project Review 2 (Language)
	50		Review 2 (Skills)
	51		
Tuần 18	52		1st term exam
	53		1st term exam (Speaking)
	54		
Tuần 19	55	(An extra week)	Feedback on project Unit 6
	56		Feedback on 1st term exam
	57		

Học kỳ II: 17 tuần x 03 tiết/tuần = 51 tiết.

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 20	58	Unit 7	Getting started
	59	Unit 7	A closer look 1
	60	Unit 7	A closer look 2
Tuần 21	61	Unit 7	Communication
	62	Unit 7	Skills 1
	63	Unit 7	Skills 2
Tuần 22	64	Unit 7	Looking back & Project
	65	Unit 8	Getting started
	66	Unit 8	A closer look 1
Tuần 23	67	Unit 8	A closer look 2
	68	Unit 8	Communication
	69	Unit 8	Skills 1

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 24	70	Unit 8	Skills 2
	71	Unit 8	Looking back & Project
	72	Unit 9	Getting started
Tuần 25	73	Unit 9	A closer look 1
	74	Unit 9	A closer look 2
	75	Unit 9	Communication
Tuần 26	76		Feedback on project Unit 7, 8
	77	Unit 9	Skills 1
	78	Unit 9	Skills 2
Tuần 27	79	Unit 9	Looking back & Project
	80		Review 3 (Language)
	81		Review 3 (Skills)
Tuần 28	82		45-minute test
	83	Unit 10	Getting started
	84	Unit 10	A closer look 1
Tuần 29	85	Unit 10	A closer look 2
	86	Unit 10	Communication, feedback on test 3
	87	Unit 10	Skills 1
Tuần 30	88	Unit 10	Skills 2
	89	Unit 10	Looking back & Project
	90	Unit 11	Getting started
Tuần 31	91	Unit 11	A closer look 1
	92	Unit 11	A closer look 2
	93	Unit 11	Communication
Tuần 32	94	Unit 11	Skills 1
	95	Unit 11	Skills 2
	96	Unit 11	Looking back & Project

Tuần	Tiết PPCT	Tên bài/ Unit	Nội dung chi tiết
Tuần 33	97		Feedback on project Unit 9,10
	98	Unit 12	Getting started
	99	Unit 12	A closer look 1
Tuần 34	100	Unit 12	A closer look 2
	101	Unit 12	Communication
	102	Unit 12	Skills 1
Tuần 35	103	Unit 12	Skills 2
	104	Unit 12	Looking back & Project
	105		Feedback on project Unit 11, 12
Tuần 36	106		Review 4 (Language)
	107		Review 4 (Skills)
	108		2nd term exam
Tuần 37	109	(An extra week)	2nd term exam (Speaking)
	110		Feedback on 2nd term exam
	111		

IV. HỢP TÁC QUỐC TẾ

Bộ sách Tiếng Anh 6 được biên soạn với sự hợp tác chặt chẽ về chuyên môn của các tác giả và biên tập viên của hai nhà xuất bản: Nhà xuất bản giáo dục Việt Nam và Nhà xuất bản Pearson. Sách được các chuyên gia ngôn ngữ của Pearson thu âm tại Anh quốc.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH GIÁO VIÊN, SÁCH BÀI TẬP VÀ CÁC NGUỒN HỌC LIỆU KHÁC

A HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TIẾNG ANH 6 – SÁCH GIÁO VIÊN

1. Giới thiệu chung

Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên được viết bằng tiếng Anh và được biên soạn nhằm mục đích hướng dẫn và gợi ý giáo viên cách khai thác sách học sinh tối đa để đạt kết quả học tập cao nhất.

Các hoạt động gợi ý, hướng dẫn được viết theo quan điểm lấy hoạt động học của học sinh làm trung tâm; tạo cơ hội và khuyến khích học sinh tích cực, chủ động, sáng tạo trong học tập, phát huy tiềm năng của mỗi học sinh trong khi tham gia vào các hoạt động ngôn ngữ và giao tiếp trên lớp học.

2. Cấu trúc

Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên bao gồm những cấu phần như sau:

- Mục tiêu của từng Unit
- Hướng dẫn chi tiết các bước lên lớp của từng hoạt động trong từng Bài học (Lesson), từng Đơn vị bài học (Unit) trong SHS.
- Audio scripts của các phần nghe, và đáp án cho các hoạt động trong SHS.

3. Sử dụng Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên hiệu quả

Sách giáo viên cung cấp cho giáo viên những thông tin cơ bản và thiết thực về Tiếng Anh 6 – Sách học sinh, đồng thời hướng dẫn giáo viên thực hiện việc dạy học sách học sinh thông qua mô tả các hoạt động dạy học trong sách. Việc mô tả các hoạt động này chủ yếu mang tính chất định hướng, tham khảo đối với giáo viên trong quá trình dạy học.

Để phục vụ đối tượng sử dụng sách đa dạng bao gồm các giáo viên còn ít kinh nghiệm cũng như các giáo viên đã có kinh nghiệm nhất định trong lĩnh vực dạy học tiếng Anh cho học sinh đầu cấp tiểu học, Sách giáo viên cung cấp hướng dẫn dạy học thông qua việc thực hiện tuần tự các bước dạy học cơ bản của mỗi hoạt động trong một tiết học. Trên cơ sở đó, giáo viên có thể xây dựng và phát triển giáo án dạy học đáp ứng nhu cầu của lớp học cụ thể.

Tùy theo điều kiện dạy học cụ thể của địa phương (đặc điểm của học sinh, cơ sở vật chất, môi trường dạy học Tiếng Anh, ...) và đặc thù của giáo viên, giáo viên có thể lựa chọn sử dụng Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên theo những phương thức như sau:

- Sử dụng Sách giáo viên một cách linh hoạt theo hướng: (i) áp dụng một số hướng dẫn dạy học trong Sách giáo viên phù hợp với điều kiện dạy học ở địa phương và (ii) điều chỉnh hoặc bổ sung thêm những phương pháp, hình thức tổ chức, kĩ thuật dạy học khác nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh trên cơ sở đáp ứng mục tiêu dạy học đề ra trong Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên;
- Tham khảo hướng dẫn dạy học trong Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên, từ đó phát triển giáo án dạy học của cá nhân đáp ứng nhu cầu phát triển năng lực giao tiếp của đối tượng học sinh cụ thể trên cơ sở tuân thủ định hướng dạy học của Tiếng Anh 6 – Sách học sinh.

Dù lựa chọn phương thức sử dụng Sách giáo viên như thế nào, trước hết, giáo viên cần phải tìm hiểu và nắm vững Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh, đặc biệt là yêu cầu cần đạt đối với học sinh sau mỗi giai đoạn học tập được quy định trong Chương trình. Giáo viên cũng cần nắm vững định hướng dạy học của Tiếng Anh 6 – Sách học sinh thông qua tìm hiểu phần Introduction được giới thiệu ở phần đầu của Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên.

Giáo viên cần được khuyến khích sử dụng Sách giáo viên một cách linh hoạt trên cơ sở tham khảo các nguồn tài liệu hỗ trợ dạy học khác như mạng Internet, sách tham khảo về phương pháp dạy học, sách mềm dạy học, công nghệ hỗ trợ dạy học, giáo án điện tử (trên sachmem.vn), video dạy mẫu, ...

Giáo viên không nên coi Tiếng Anh 6 – Sách giáo viên như là mẫu giáo án được biên soạn sẵn, tài liệu này chủ yếu mang tính chất hướng dẫn, minh họa cho giáo viên trong quá trình dạy học. Giáo viên cần vận dụng Sách giáo viên một cách phù hợp để đáp ứng điều kiện dạy học đa dạng ở địa phương cũng như nhu cầu, năng lực của các đối tượng học sinh khác nhau trong lớp học nhằm phát huy tối đa hiệu quả của Sách giáo viên và góp phần dạy học phát triển năng lực cho học sinh.

Tiếng Anh 6 – Sách bài tập được biên soạn giúp các em ôn tập lại và mở rộng, khắc sâu kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ học trên lớp, tăng thêm vốn từ, làm quen với các dạng bài thi và kiểm tra trong nước và quốc tế.

Sách bài tập bao gồm các phần:

A. Pronunciation

Củng cố khả năng phát âm, khả năng nhận biết của học sinh về những âm phát âm giống nhau và khác nhau trong từ.

B. Vocabulary and grammar

Củng cố từ vựng và cấu trúc ngữ pháp học sinh đã học, mở rộng vốn từ vựng của học sinh thông qua các dạng bài tập khác nhau.

C. Speaking

Củng cố khả năng nói học sinh đã học thông qua tranh ảnh, sơ đồ, điền thông tin,... để thực hành nói.

D. Reading

Củng cố và phát triển kỹ năng đọc hiểu của học sinh ở cấp độ đoạn văn và đoạn thoại ngắn thông qua các dạng bài luyện đọc khác nhau.

E. Writing

Củng cố kỹ năng viết câu và viết đoạn văn của học sinh về những chủ đề đã học.

Ngoài 12 đơn vị bài tập theo 12 đơn vị bài học, sách Tiếng Anh 6 – Sách bài tập còn có 4 bài Test Yourself giúp học sinh tự kiểm tra những nội dung kiến thức và những yêu cầu về kỹ năng các em đã học sau mỗi 3 Đơn vị bài học, đồng thời làm quen với các dạng bài thi và kiểm tra.

F. Dạy thử nghiệm sách giáo khoa Tiếng Anh 6

Để đánh giá tính khả thi, phù hợp về kiến thức, nội dung và năng lực ngôn ngữ trong sách, *Tiếng Anh 6* đã được dạy thử nghiệm cho các em học sinh lớp 6 tại trường THCS Thái Thịnh – Đống Đa – Hà Nội.

Qua thử nghiệm cho thấy học sinh hết sức hào hứng, thích thú với thiết kế của sách; HS hiểu bài và thực hiện được các hoạt động học tập. Bên cạnh đó, ý kiến trao đổi của GV đánh giá cao cách tiếp cận của cuốn sách; việc tổ chức dạy học theo các hoạt động trong sách sẽ rất dễ dàng và hấp dẫn HS; Các em tham gia được nhiều hoạt động sẽ hình thành được nhiều năng lực và kỹ năng cho bản thân; Cấu trúc các bài và thiết kế cuốn sách thân thiện, chắc chắn sẽ thu hút học sinh, tạo động lực để các em tự học, tự tìm tòi kiến thức.

Để nâng cao chất lượng dạy và học tiếng Anh ở tiểu học nói chung, ở những lớp đầu tiểu học nói riêng, một hệ thống học liệu đã được Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam triển khai để hỗ trợ việc dạy và học tiếng Anh của giáo viên và học sinh. Hệ thống học liệu này bám sát Chương trình và sách giáo khoa tiếng Anh lớp 6 như Sách Mềm, thẻ từ, tranh ảnh, thiết kế bài giảng điện tử, ngân hàng trò chơi, hệ thống sách tham khảo bổ trợ... Hệ thống học liệu giúp giáo viên nâng cao năng lực dạy học và giúp học sinh học tiếng Anh hứng thú và hiệu quả.

1. Sách Mềm

Sách Mềm (tên miền là sachmem.vn) là một hệ thống phần mềm kèm theo học liệu điện tử do Công ty Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xây dựng. Mục đích của sachmem.vn là giúp nâng cao hiệu quả dạy và học tiếng Anh trong tất cả các cấp, lớp thuộc hệ thống giáo dục phổ thông trong đó có Tiếng Anh 6. Hệ thống sachmem.vn được thể hiện rất đa dạng và phong phú và được nâng cấp thường xuyên để đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh và dạy học của giáo viên. Hiện tại, sachmem.vn được cấp miễn phí cho tất cả giáo viên dạy tiếng Anh trên toàn quốc. Khi mua sách Tiếng Anh 6, học sinh sẽ có một mã thẻ để sử dụng sachmem.vn miễn phí cho bộ sách của mình. Một số nội dung dạy học cơ bản được thể hiện trong sachmem.vn là:

Sách giáo khoa và sách bài tập: Toàn bộ nội dung sách học sinh và sách bài tập được chuyển thể thành phần mềm sách điện tử tương tác. Mỗi hoạt động trong sách giáo khoa được thể hiện trên một trang phần mềm. Nội dung các hoạt động được thể hiện bằng các hình động, âm thanh, video, hiệu ứng tương tác, trò chơi học tập, nhận diện giọng nói, chấm điểm tự động,... Việc thể hiện trí tuệ nhân tạo trong sachmem.vn làm cho quá trình học tập của học sinh dễ dàng và hấp dẫn.

Sách giáo viên: Toàn bộ sách sách giáo viên được tích hợp (tương thích với sách học sinh) trong sachmem.vn. Sách giáo viên được cài đặt trong phần mềm giúp giáo viên sử dụng trực tiếp trong quá trình dạy học. Giáo viên cũng có thể điều chỉnh các hướng dẫn dạy học trong sách giáo viên phù hợp với khả năng của giáo viên và năng lực của học sinh, qua đó giảm bớt thời gian, công sức chuẩn bị bài dạy.

Thẻ từ (Flashcards): Bộ thẻ từ (sẽ giới thiệu ở dưới) được tích hợp trong sachmem.vn, giúp giáo viên chủ động sử dụng trong việc dạy từ trong lớp học. Từ bộ thẻ từ trong sachmem.vn giáo viên có thể tự in theo kích thước, số lượng và theo nhu cầu dạy học thực tế.

Bài tập luyện từ vựng: Ngoài bộ thẻ từ, sachmem.vn còn tích hợp toàn bộ từ vựng trong Tiếng Anh 6 một cách đầy đủ và trực quan, bao gồm phát âm, nghĩa từ qua tranh, và các ví dụ về cách sử dụng từ dưới các dạng nghe, nói, đọc, viết.

Ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả dạy học: Hệ thống câu hỏi, bài tập dùng để kiểm tra thường xuyên và định kì đã được đưa lên sachmem.vn. Hệ thống câu hỏi và bài tập này được biên soạn và thẩm định, kèm tranh ảnh và thu âm. Giáo viên dễ dàng tạo được đề thi, kiểm tra theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hệ thống ngân hàng câu hỏi kiểm tra đánh giá còn giúp học sinh tự ôn luyện, tự kiểm tra đánh giá kết quả học tập trực tuyến.

Phân phối chương trình: phân phối chương trình hay còn gọi là kế hoạch dạy học môn tiếng Anh đã được giới thiệu vắn tắt ở phần trên. Phân phối chương trình trong sachmem.vn thể hiện chi tiết từng tiết học, từ tiết đầu tiên đến tiết cuối cùng của năm học. Phân phối chương trình trong sachmem.vn giúp giáo viên và cán bộ quản lí môn học các cấp thực hiện kế hoạch cụ thể cho đơn vị mình.

Ngoài những nội dung kể trên, sachmem.vn còn cung cấp nhiều học liệu khác như Bài giảng điện tử, Giáo án giờ lên lớp, Video một số tiết giảng mẫu,... sachmem.vn còn tạo môi trường tương tác, trao đổi thông tin đa chiều giữa giáo viên với giáo viên, giữa giáo viên với các chuyên gia môn học, giữa giáo viên và phụ huynh học sinh. Trang diễn đàn dạy học môn học giúp giáo viên ngày càng nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Anh 6.

2. Thẻ từ

Thẻ từ giúp quá trình học của học sinh thêm sinh động, hấp dẫn và hiệu quả, đặc biệt có hiệu quả với học sinh có tư duy hình ảnh và trí thông minh vận động. Thẻ từ phát huy hiệu quả học tập ở tất cả các giai đoạn học tập của học sinh, cả trên lớp và ngoài lớp học.

Thẻ từ có thể sử dụng trong rất nhiều hoạt động dạy học khác nhau từ dạy và học từ mới, ôn tập từ đến các hoạt động như đánh vần (spelling), ‘chớp thẻ’ (memory flash), tìm cặp (pairing), tìm thẻ (finding cards), ghép từ (matching words), đoán từ (guessing words), hoạt động vận động (TPR activities), luyện từ hoặc cấu trúc (drill),... Như vừa được đề cập, bộ thẻ từ cũng được tích hợp trong sachmem.vn.

3. Bài giảng điện tử

Bài giảng điện tử là hệ thống các bài soạn gợi ý dựa trên nền tảng công nghệ điện tử (PowerPoint). Hệ thống bài soạn điện tử có nội dung bám sát các đơn vị bài học trong sách giáo khoa Tiếng Anh 2. Mỗi bài soạn được thiết kế chi tiết cho từng hoạt động cho mỗi giờ lên lớp, bao gồm mục tiêu hoạt động, nội dung dạy học, các bước lên lớp cụ thể kèm thời gian, gợi ý các đồ dùng thiết bị cần sử dụng hay cái trò chơi, bài tập tương tác và cách thức đánh giá kết quả học tập sau mỗi hoạt động.

Bài giảng điện tử có thể được sử dụng như một giáo án gợi ý, vừa giúp giáo viên tiết kiệm thời gian thiết kế bài dạy, vừa ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học. Trên cơ sở hệ thống bài giảng điện tử gợi ý, giáo viên có thể chỉnh sửa, nâng cấp để tạo ra những giáo án của riêng mình một cách dễ dàng, linh hoạt. Bài giảng điện tử cũng được tích hợp trong sachmem.vn.

D. CÁC NGUỒN HỌC LIỆU KHÁC

Để đáp ứng các nhu cầu học tập khác nhau của học sinh, từ đại trà đến nâng cao, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam biên soạn thêm các bộ sách bổ trợ tham khảo để giúp giáo viên, học sinh có thêm những lựa chọn nhằm ôn tập, củng cố và nâng cao kiến thức đã học trong sách giáo khoa tiếng Anh lớp 6, đồng thời mở rộng kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa của các nước trên thế giới, các thông tin về khoa học, cuộc sống, ... thông qua các câu chuyện viết bằng tiếng Anh, tăng cường thêm các hoạt động học tập để phát triển toàn diện các kĩ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết). Bộ tài liệu có thể được sử dụng để dạy trong các tiết bổ trợ tăng cường; là nguồn tài liệu cho giáo viên sử dụng để thực hiện các hoạt động kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì trong suốt quá trình học tập trong năm học bao gồm:

Bổ trợ kĩ năng tiếng Anh – Story Land 6

Tài liệu kiểm tra đánh giá

Video tiết giảng minh họa

Giáo án minh họa

....

HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC DẠY HỌC MỘT SỐ DẠNG BÀI TRONG TIẾNG ANH 6

UNIT 9: CITIES OF THE WORLD

Objectives:

By the end of this unit, students will be able to:

- use the words related to cities and landmarks;
- pronounce the sounds /əʊ/ and /aʊ/ correctly;
- use possessive adjectives and possessive pronouns;
- express exclamations with What;
- read for general and specific information about a holiday destination;
- talk about a city;
- listen for specific information about a description of a city;
- write a holiday postcard.

Warm-up & Introduction

Aims:

- **To create an active atmosphere in the class before the lesson;**
- **To lead into the new unit.**

Review the previous unit before Ss open their books. Organise a short Guessing game to revise the names and actions of sports / games. E.g. T can call some Ss to mime playing / doing a sport or game (cycling a bike, playing table tennis, swimming, etc.). The class guesses what sport / game it is and say the name aloud. Continue with the sports / games Ss have learnt from Unit 8.

Then write the title of Unit 9 on the board. Ask Ss to name some cities they know, and where they are. Ask them to locate the cities on a (big) map and say what they know about these cities. Sometimes, accept Vietnamese if Ss fail to say it in English.

Ask Ss what the conversation might be about. Let Ss open their books and check their answers.

Lesson 1: GETTING STARTED

WHAT NICE PHOTO!

Activity 1

Aims:

- To set the context for the listening and reading text;
- To introduce the topic of the unit.

- Set the context for the listening and reading text: Ask Ss to look at the title of the conversation and the picture. Ask them some brainstorming questions like: *What do you think Mai and Tom are talking about? What city can you recognise from the photos? What is it famous for? etc.*
- Encourage Ss to give their answers, but do not confirm whether their answers are right or wrong.
- Play the recording twice for Ss to listen and read along. Have Ss underline the words that are related to the topic of the unit while they are listening and reading.
- Invite some pairs of Ss to read the dialogue aloud.
- Have Ss say the words in the text that they have underlined. Quickly write the words on one part of the board.

Activity 2

Aim: To help Ss identify the location of the cities mentioned in the conversation on a map.

- Ask Ss if they know which country each city is in. If needed, help Ss by writing the names of the countries and the cities on the board.
- Allow Ss to look at the map and do the task.

– Check their answers as a class.

Key: 1. New York 2. London 3. Sydney

Activity 3

Aim: To help Ss focus on the use of adjectives to describe cities.

- Ask Ss to work independently. Ask them to look back at the conversation and find where the names of the cities appear and what adjectives are used to describe them. Underline them.
- Allow Ss to share their answers and discuss.
- Check their answers as a class.

Key: 1. c, d 2. a 3. b, e

Activity 4

Aim: To help Ss visualise some landmarks of the cities mentioned in the conversation.

– Ask Ss to find the word landmark in the conversation and ask them what it is.

(**Tom:** ... Can you see Big Ben?)

(**Mai:** Yeah... on the River Thames. It's a landmark of London.)

- Write the word landmark on the board and ask if they can guess the meaning of the word. (Emphasise: a place / object that is famous in a city. Tourists want to see / visit it.)
- Let Ss do the matching.
- Allow them to discuss in pairs or groups.
- Check the answers as a class.

Key: 1. c 2. d 3. a 4. b

Activity 5

Aim: To give Ss a fun time revising what they have learnt so far in the lesson.

- Demonstrate by calling three Ss to read the example.
- Then allow Ss some time to work in groups.
- Go round and offer help if needed. Encourage Ss to talk about other cities if they know.

Note: The only city that is not in the conversation is Hue. Let Ss talk without help since this city is a popular holiday city in Viet Nam.

Suggested answers:

Hue: beautiful, old city

London: the red telephone box, Big Ben, double-decker buses

Sydney: Sydney Opera House, beautiful / clean beaches

New York: Times Square, the Statue of Liberty

Wrap-up

- Ask one or two Ss to tell the class what they have learnt.
- Ask Ss to say aloud some words they remember from the lesson.
- If there is a projector in the classroom, show the dialogue, highlight the key words related to the topic. It would be helpful if T also highlights in the dialogue possessive adjectives and possessive pronouns at the end, and tells Ss that they will learn these language points in the following lessons.

Lesson 2: A CLOSER LOOK 1

VOCABULARY

Activity 1

Aim: To teach Ss some adjectives describing a city.

- Check if Ss remember which cities Mai and Tom were talking about at the beginning of the unit. Ask them how Tom described the three cities. Write the words on the board.

- Allow Ss some time to read the adjectives in the box first. Most of them they have already known (maybe except the word helpful, but don't explain it yet).
- Ask them to choose and write the words in the web. Allow Ss to work together if they would like to.
- Check answers as a class.
- Have Ss practise reading the adjectives.
- If there is time, encourage them to use these words (or the words they know) to describe other cities in Viet Nam or in the world.

Note: If Ss cannot by now guess the meaning of the word helpful, T can give the Vietnamese equivalent.

Key:

city: exciting, old

food: tasty, delicious

people: friendly, helpful

weather: cold, sunny

More adjectives:

city: quiet, boring, modern, noisy, big, polluted, safe, expensive, cheap

food: cheap, expensive, awful, good, hot

people: noisy, nice, unfriendly, open, interesting

weather: dry, wet, bad, rainy, cool, snowy, stormy

Activity 2

Aim: To help Ss use the adjectives in 1 in a context.

- Ask Ss to work independently.
- Ask Ss to read the sentences carefully and complete them with the words in 1. Go around and offer help if needed.
- Check their answers as a class.

Key: 1. sunny 2. old 3. exciting 4. friendly 5. delicious / tasty

Activity 3

Aim: To teach Ss some words / phrases related to a city.

- Ask Ss to read the words / phrases.
- Ask Ss to write the words / phrases under the correct pictures. (Ss can easily do the task since they know all the words except stall. The only word and picture left go together).
- Check their answers as a class.

Key: 1. palace 2. floating market 3. street food 4. stall

PRONUNCIATION

/əʊ/ and /aʊ/

Activity 4

Aim: To help Ss identify and practise the /əʊ/ and /aʊ/ sounds.

- Demonstrate the two sounds with the words cold and our. Write them on the board under the symbols and say them aloud.
- Let Ss read and put the words in the correct columns first.
- Ask them to listen to the recording, check their answers and complete what they have not been able to do yet.
- Play the recording again for Ss to repeat.
- Check their answers as a class.
- Call some Ss to read the words aloud.

Key:

<i>/əʊ/</i>	<i>/aʊ/</i>
<i>boat</i>	<i>house</i>
<i>postcard</i>	<i>town</i>
<i>coast</i>	<i>tower</i>
<i>pagoda</i>	<i>crowded</i>

Audio script:

boat house town tower
postcard crowded coast pagoda

Activity 4

Aim: To help Ss practise the sounds /əʊ/ and /aʊ/ in sentences.

- Allow Ss some time to read the sentences by themselves first. They can read silently or aloud.
- Play the recording. Have Ss listen and repeat the sentences.
- Provide further practice by dividing the class into two groups. Have the groups read alternate lines.
- Check by reading loudly each underlined word in the sentences.
- If there is time, ask Ss to make sentences with words containing /əʊ/ and /aʊ/ sounds and practise saying them in pairs.

Audio script:

1. The town is crowded at the weekend.
2. There's lots of snow in Tokyo in winter.
3. It's very cold on the boat.
4. He's running around the house.

Note:

/əʊ/: snow, Tokyo, cold, boat

/aʊ/: town, crowded, around, house

Wrap-up

Ask Ss to summarise what they have learnt in the lesson.

Lesson 3: A CLOSER LOOK 2

GRAMMAR

Possessive adjectives

Ask Ss to read the yellow box. This is just a reminder since Ss have learnt the possessive adjectives in primary schools already. Help if they have any question.

If needed, revise the forms of the possessive adjectives. Use the table below for both possessive adjectives and possessive pronouns.

Pronouns	Possessive adjective	Possessive pronouns
I	my	mine
you	your	yours
he	his	his
she	her	hers
it	its	its
we	our	ours
you	your	yours
they	their	theirs

Activity 1

Aim: To help Ss revise the use of possessive adjectives.

- Ask Ss to read the sentences first. Tell them to pay attention to the underlined phrases containing the possessive adjectives.
- Let Ss do the matching.
- Check Ss' answers as a class.
- Then draw Ss' attention to the underlined parts of the sentences. Ask them to circle the subjects of the sentences.
- Write the subjects and the possessive adjectives in pairs. (E.g. Sue → her, Billy → his, The cat → its, We → our, They → their, etc.) Keep them on the board.

Key: 1. d 2. f 3. e 4. b 5. a 6. c

Activity 2

Aim: To give Ss opportunities to use possessive adjectives correctly in context.

- Allow Ss to do the task individually or in pairs.

- Ask Ss to read the pair of sentences carefully and find the subject in the first sentence which will determine the possessive adjective to be used to complete the second sentence (e.g. I → my, The lion → its).
- Allow Ss to swap their answers and have discussion.
- Checks Ss' answers as a class.

Key: 1. My 2. your 3. Its 4. Her 5. Our

Possessive adjectives

Write the example in the yellow box on the board. Use arrows to point my book to mine and your book to yours so that Ss can see how the phrase of a possessive adjective + noun is replaced by a possessive pronoun.

Activity 3

Aim: To help Ss determine the correct possessive pronoun representing a phrase.

- Ask Ss to read the first sentence of each question carefully and underline the words / phrases which decide the possessive pronoun for the second sentence. Then complete the second sentence.
- Allow Ss to swap their answers.
- Call some Ss to read aloud their answers.
- Check Ss' answers as a class.

Key: 1. mine 2. theirs 3. yours 4. his 5. Ours

Activity 4

Aim: To help Ss distinguish and use correctly possessive adjectives and possessive pronouns.

- This activity mixes the use of possessive adjectives and possessive pronouns.
- Let Ss do the task individually.
- Check Ss' answers as a class.

Note: T may give Ss some tips for this exercise. If there is a noun following, it's the place for a possessive adjective. If not, it's the place for a possessive pronoun.

Key: 1. its 2. yours 3. his 4. Our 5. their

Activity 5

Aim: To give Ss a more difficult task to decide what possessive pronoun / possessive adjective to be used for each sentence.

- Ask Ss to work individually or in pairs. Ask them to read the sentences carefully and choose the correct answer.
- Check their answers as a class.

Key: 1. mine 2. Your 3. ours 4. Their 5. It's

Wrap-up

- Summarise the main grammar points of the lesson.
- Say aloud sentences containing genitive cases and possessive adjectives (e.g. Hoa's hat, our class, etc.) and Ss respond with possessive pronouns. E.g.

T: *This is Tan's book.*

Ss: *That book is his.*

Lesson 4: COMMUNICATION

Everyday English

Expressing exclamations with What

Tell Ss that they are going to learn how to make an exclamation with What to express their appreciation or surprise.

Activity 1+2

Aims:

- To introduce exclamations with What;
- To help Ss practise making exclamations with What.

1

- Ask Ss to look at the picture and read the exclamations. Ask them to find the similarity / similarities among the three exclamations. To help them, write the three exclamations on the board since it is easier for Ss to observe. (They all begin with What followed by a noun phrase. An exclamation mark (!) is usually put at the end.)
- Present the sentences like the following.

1. *What a nice city!*
2. *What a clear sky!*
3. *What tall buildings!*

What + adj + noun + exclamation mark (!)

Audio script:

1. *What a nice city!*
2. *What a clear sky!*
3. *What tall buildings!*

2

Allow Ss to work in pairs and take turns to make exclamations from the picture in b. Call on some pairs to say their exclamations aloud in front of the class. Check and correct if needed.

Key:

1. What happy and beautiful children!
2. What a colourful and nice picture!
3. What sunny and beautiful weather!
4. What a small and cute boy!
5. What beautiful and colourful apple trees!

Note: Some Ss might use only one adjective for their exclamations. It's OK.

City landmarks

Activity 3

Aim: To help Ss get used to some famous landmarks in big cities.

- Show Ss photos of the four landmarks of different cities and ask Ss what they are. If Ss do not know their names in English, allow them to use Vietnamese.
- Have Ss work in pairs. Ask them to read the names in the box (make sure that they pronounce the names correctly) and write them under the correct pictures of the landmarks.
- Check Ss' answers as a class.
- Elicit from Ss any information they know about the landmarks: Which cities are they in?

Key: 1. Merlion 2. Big Ben 3. Sydney Opera House 4. Eiffel Tower

Activity 4

Aim: To help Ss recognise each landmark through its description.

- Have Ss read the descriptions about the four landmarks. Set a time limit.
- Have them work individually. Ask them to write the names of the landmarks in 2 for their correct descriptions.
- Call some Ss to give their answers. Ask them to support theirs.

Key: 1. B 2. A 3. C 4. A

Wrap-up

Have Ss say what they have learnt in the lesson.

Lesson 5: SKILLS 1

Introduction

If possible, show the class some real postcards. Ask Ss where the postcards were sent from. Ask them to guess who wrote the postcard, and to whom; when it was written; what it was written about, etc.

Reading

Activity 1

Aim: To help Ss brainstorm and see if they have any idea about postcards.

Ask Ss to discuss when people write a postcard and what is written on a postcard. Accept reasonable answers.

Suggested answers:

1. When they are away from home, often on holiday or business. They want to tell their family or friends what they see and do, and how they feel about their time there.
2. The sender often writes about his / her stay in a city or country.

Activity 2

Aim: To help Ss develop reading skill for general and specific information (multiple-choice).

- Have Ss look at the questions first. Ask them to underline the key words in the questions. Tell them these key words will help them find the information more easily in the text.
- Have Ss read the postcard and answer the questions individually before discussing as a class.
- Call on some Ss to read their answers. Encourage Ss to support their answers.
- Check Ss' answers as a class.

Key: 1. B 2. A 3. B 4. C

Activity 3

Aim: To help Ss identify different features of a place.

- Have Ss read the text again and do the matching.
- Check Ss' answers as a class.

Key: 1. b, c 2. a, d, e

Speaking

Activity 4

Aim: To help Ss use what they have learnt so far to talk about a city.

- Ask Ss to work in groups. Allow each group some time to choose one city they have learnt about in this unit, or the one they all know / like.
- Ask Ss to discuss and make notes of the information they want to share with their class. Ask them to refer to the questions in this activity as suggestions for their notes or they can do it in their own way. Go around and offer help if needed.

Activity 5

Aim: To help Ss summarise the information they have to organise a short presentation.

- Ask Ss to use the notes in 4 to share the information of their city with the class. Make sure they speak in full sentences.
- Allow Ss to vote for the most interesting and informative presentation.

Wrap-up

Have Ss summarise what they have learnt in the lesson with the two skills: what words / phrases / sentences describing cities and landmarks they can remember; how to talk about a city or a landmark.

Lesson 6: SKILLS 2

Listening

Activity 1

Aim: To help Ss brainstorm about Bangkok.

- Tell Ss they will listen to a talk about Bangkok, the capital of Thailand.
- Ask Ss the two questions and discuss with them to see what they know about Bangkok or Thailand.
- Allow Ss to talk in Vietnamese (sometimes) if they do not have enough vocabulary in English.
- Ask Ss to look at the photos and say what they see, and if it's similar to Viet Nam.

Suggested answers:

1. – Bangkok is in Mid Thailand.
 - The capital and the biggest city.
 - Population: about 8 million
2. It's famous for pagodas, temples, open / night / floating markets and shopping centres, silk, street food, friendly people, and entertainments.

Activity 2

Aim: To help Ss develop listening skill for specific information (T / F).

- Ask Ss to go through the statements (1 – 4) to make sure that they understand them and know what information they have to catch for the answers. (Ss may underline the key word(s) in each statement.)
- Play the recording. Ask Ss to listen and tick the answers.
- Call on some Ss to read aloud their answers and correct the false one(s).
- Check Ss' answers as a class.

Key: 1. F (markets and street food) 2. F (cheap) 3. F (on the river) 4. T

Activity 3

Aim: To help Ss develop listening skill for specific information (gap-filling).

- Ask Ss to read the questions carefully and determine what information they need to fill the gaps (numbers, words).
- Play the recording for Ss to fill the gaps. Ask them to swap their answers in pairs before checking their answers as a class.

Key: 1. 15,000 2. 5 3. life 4. delicious

Audio script:

Bangkok is famous for its markets and street food.

Visit the Chatuchak, the largest weekend market in the world. There are over 15,000 stalls selling nearly everything, at cheap prices. It's only five minutes' walk from the station. When you visit this market, you can see part of Thai people's life.

Another interesting type of market is the floating market on the river. Don't forget to try street food in Bangkok. It's easy to find food stalls all around Bangkok, serving different Thai dishes. They are really delicious.

Writing

Activity 4

Aim: To help Ss talk about a holiday city and collect information for their later writing.

- Ask Ss to work in groups. Choose a city they know and discuss as guided by the questions.
- Ask Ss to take short notes of the answers for later use.
- Go round and help if needed.

Activity 5

Aim: To teach Ss how to write a holiday postcard.

- Ask Ss to use their ideas in 4 to write a postcard to their family.
- Ask Ss to refer to Reading 2 if needed.
- If there is time, pair Ss and ask them to write postcards to each other. Have them swap and give feedback on each other's writing once they have finished.
- Explain to Ss that the space for writing on postcards is not big so people often write short sentences which contain the most important information. Tell Ss that contraction is often used in writing postcards to make them short and informal.

Lesson 7: LOOKING BACK + PROJECT

LOOKING BACK

- Encourage Ss to complete Looking Back without referring to the previous sections in the unit.
- Ask Ss to record their results for each exercise in order to identify the areas they need further review.

Vocabulary

Activity 1

Aim: To help Ss revise the adjectives describing cities and landmarks.

- Write the four words: city, weather, people, food on the board and elicit from Ss at least three adjectives to describe each word.
- Give Ss sufficient time to do the task.
- Check Ss' answers as a class.

Key: 1. A, B 2. A, C 3. A, C 4. A, B 5. B, C

Activity 2

Aim: To help Ss revise the nouns showing landmarks in a city.

- Ask Ss to read the words in the box first and make sure they remember their meanings. Then allow them some time to write the words under the correct pictures.
- Check Ss' answers as a class.

Key:

- | | | |
|-----------------|---------------|-------------|
| 1. towers | 2. river bank | 3. beach |
| 4. night market | 5. palace | 6. postcard |

Grammar

Activity 3

Aim: To help Ss revise the possessive pronouns in context.

- Ask Ss to complete the sentences individually. They can share their answers with their partners, but they should record their original answers to guide their self-assessment later.
- Check their answers as a class.

Key: 1. yours 2. theirs 3. mine 4. Ours 5. hers

Activity 4

Aim: To help Ss revise the possessive adjectives and possessive pronouns in context.

- Write 2 – 3 sentences on the board with similar mistakes and have the class do together. Explain the answers.
- Ask Ss to read the sentences carefully and correct the underlined words.
- Check their answers as a class.

Key: 1. its 2. our 3. their 4. its 5. Our

Wrap-up

Let Ss look at the Now I can... table.

PROJECT

Aim: To allow Ss to apply what they have learnt (vocabulary and grammar) into practice through a project.

- Divide Ss into small groups of 4 or 5.
- Ask them to discuss and choose a city they would like to visit.
- Ask them to look for necessary information for the visit, basically by answering the suggested questions.
- Summarise the information and make a presentation to report the information collected to the class.
- Ask the class to listen to the reports and ask questions if they would like to. They may even vote for the best report.

NOW I CAN ...

Ask Ss to complete the self-assessment table. Discuss as a class what difficulties remain and what areas Ss have mastered.

REVIEW 3

Objectives:

By the end of this review, students will be able to revise the language they have learnt and the skills they have practised in Units 7-8-9.

Introduction

- Ask Ss what they have learnt in terms of language and skills.
- Summarise their answers in notes and write them in a top corner of the board. Briefly revise some important / difficult items before starting with the review.

LANGUAGE

Pronunciation

Activity 1

Aim: To help Ss review the pronunciation of the sounds learnt in Units 7-8-9.

- Write the three pairs of sounds on the board: /θ/ and /ð/, /e/ and /æ/, /əʊ/ and /aʊ/. Write one word containing the sound underneath each of them. Ask Ss to read the words aloud.
- Ask Ss to do the task by reading aloud each group and circle the odd one out.
- Play the recording for Ss to listen and check their answers.
- Check Ss' answers as a class.
- Play the recording again for Ss to listen and repeat in chorus and individually.

Key: 1. C 2. A 3. A 4. C 5. B

Audio script:

1. A. tower B. how C. snow
2. A. symbol B. opening C. postcard
3. A. farther B. earth C. both
4. A. Saturday B. racket C. game
5. A. tennis B. prepare C. chess

Vocabulary

Activity 2

Aim: To test Ss' ability to choose the correct word to be used in a certain context.

- Allow Ss to do this task separately or in pairs.

- Ask Ss to read the passage carefully and pause at each blank to decide which word is the best answer.
- Guide Ss to look for clues for their answers. E.g. In sentence 1, we have when the weather is good. It means that these activities depend on the weather. Therefore, the answer must be outdoor.
- Swap their answers with their partners.
- Check Ss' answers as a class.

Key: 1. A 2. C 3. A 4. A 5. C

Activity 3

Aim: To help Ss review the words / phrases learnt.

- Ask Ss to read each sentence carefully and choose the correct word / phrase.
- Check Ss' answers as a class.

Key: 1. landmark 2. football 3. television 4. city 5. Summer sports

Grammar

This is a revision of grammar elements taught in the three units: wh-questions, conjunctions, possessive adjectives, possessive pronouns, the past simple and imperatives.

Activity 4

Aim: To help Ss revise grammar elements mentioned above.

- Let Ss do the task individually or in pairs.
- Check Ss' answers as a class. Explain to them how to find the answers.

Key: 1. B 2. C 3. A 4. A 5. C 6. B

Activity 5

Aim: To help Ss revise the use of question words.

- Ss must by now be familiar with, and quite skilful in using question words.
- T may revise by writing a long sentence on the board. (E.g. Yesterday, I went to the cinema and watched The Dolphins with my cousins.) Then underline some words and ask Ss what question word they use for each underlined information.
- Ask Ss to open their books on page 36 and do the task individually.
- Check their answers as a class. For the wrong one(s), explain why it is / they are incorrect.

Key: 1. What 2. Correct 3. Why 4. How 5. Where

SKILLS

Reading

Activity 1

Aim: To help Ss practise reading for general information.

- Ask Ss to look at the photos and the names of the sports and ask if they know anything about these sports. If they don't, ask if they can make a guess.
- Have Ss read the passages individually and do the matching. Ask them to underline 2 – 3 key words for their quick answers.
- Check Ss' answers as a class.

Key: 1. B 2. A

Activity 2

Aim: To help Ss practise reading for specific information.

- Ask Ss to read the questions and the passages again carefully for details for their answers.
- Ask Ss to swap their answers with their partners and show where they find the information for their answers.
- Check Ss' answers as a class.

Key:

1. Cheese Rolling 2. Toe Wrestling
 3. Cheese Rolling 5. Cheese Rolling 6. Toe Wrestling

Speaking

Activity 3

Aim: To help Ss practise asking about their likes for cities, sports, and TV programmes.

- This section, again, revises the vocabulary and grammar items learnt in a more dynamic form: interviewing and reporting the results.
- Ask Ss to take turns to ask the questions and take notes of their partners' answers. Encourage them to add more questions with Why, Where, With whom, etc.
- Go round and offer help if needed.
- Call some groups to report the results to the class.

Listening

Activity 4

Aim: To help Ss practise listening for specific information (gap-filling).

- Ask Ss to look at the pictures and read the phrases underneath. Ask them if they know what they are. Make sure they pronounce the phrases correctly (which helps make the listening easier).

Note: Ss have learnt about Merlion Park in Unit 9 already.

- Now ask Ss to read the questions and determine what information is needed for the answers.

- Play the recording as many times as needed. Allow Ss some time to write the answers.
- Check Ss' answers as a class.
- Play the recording again and pause when the answers appear if needed.

Key: 1. visitors 2. slowly 3. 35 4. 30 5. little

Audio script:

Singapore is a small island city-state. It attracts millions of visitors every year. A good way to see the city is by taking a hop-on hop-off bus. The bus goes slowly around the city. It stops at different attractions like Chinatown and Merlion Park. You can get off the bus at any place, and then get on the next bus. The tour costs 35 dollars, and there is a bus every 30 minutes. This kind of sightseeing is good for people with little time in the city.

Writing

Activity 5

Aim: To help Ss write a paragraph describing a visit to a holiday city, based on the information provided.

- Ask Ss to read the information in the table carefully.
- Ask them what tense to be used for their writing.
- Have Ss write. Go round and offer help if needed. Ss might want to change some details from the table or the order that the information appears. Encourage them to do so.
- Call on one or two volunteers to read aloud their answers. Call for other Ss' comments.
- Collect some writings to correct at home.

Suggested answer:

Last summer, Mark visited Delhi in India. He spent seven days there. During his holiday, he went sightseeing around the city. He watched a snake performance, visited some temples, and ate local food. The people he met were friendly and helpful. The only thing he didn't like was the weather. It was very hot.